

KẾ HOẠCH**Tổ chức hội nghị sơ kết giữa nhiệm kỳ thực hiện
Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ X
và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ các cấp nhiệm kỳ 2015 - 2020**

Thực hiện Chương trình công tác toàn khoá và năm 2018 của Tỉnh uỷ, Kết luận Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh uỷ lần thứ 31; Ban Thường vụ Tỉnh uỷ xây dựng Kế hoạch sơ kết giữa nhiệm kỳ đánh giá việc thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ X và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ các cấp nhiệm kỳ 2015 - 2020 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

- Đánh giá khách quan, toàn diện những kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ X, Nghị quyết Đại hội các Đảng bộ trực thuộc Tỉnh uỷ nhiệm kỳ 2015 - 2020 trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội tại địa phương; xác định đúng nguyên nhân những hạn chế, yếu kém, rút ra bài học kinh nghiệm và đề ra các giải pháp khắc phục, phấn đấu thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ X, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ các huyện, thành uỷ, Đảng uỷ trực thuộc đề ra cho cả nhiệm kỳ.

- Hội nghị tập trung phân tích, đánh giá sâu vai trò lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của các đảng bộ trực thuộc Tỉnh uỷ và các ban, sở, ngành của tỉnh trong việc cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ X và chương trình, kế hoạch UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết; Chương trình hành động Tỉnh uỷ. Phương pháp kiểm điểm Ban Thường vụ Tỉnh uỷ sẽ chọn làm việc trực tiếp với một số cấp uỷ, chính quyền, các đoàn thể chính trị - xã hội của địa phương, đơn vị. Nghe báo cáo, trao đổi, thống nhất đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ X, Nghị quyết Đại hội các Đảng bộ trực thuộc, nhiệm kỳ 2015 - 2020. Việc cụ thể hóa nghị quyết của Trung ương, các văn bản chỉ đạo của địa phương, đơn vị về thực hiện Nghị quyết Đại hội đảng bộ các cấp.

- Đề bảo đảm tính hệ thống, quá trình kiểm điểm, đánh giá Ban Thường vụ Tỉnh uỷ yêu cầu số liệu chính thức đến quý I/2018, ước tính đến thời điểm hết tháng 6/2018 để so sánh với thời điểm 30/6/2015 và dự ước đến cuối nhiệm kỳ để so sánh với mục tiêu, chỉ tiêu của Đại hội đề ra.

II. NỘI DUNG SƠ KẾT

1. Đánh giá kết quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức học tập, quán triệt, xây dựng chương trình hành động, kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ XII của Đảng, Nghị quyết đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ X, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ các cấp nhiệm kỳ 2015 - 2020.

2. Đánh giá tình hình, kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ X, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ các cấp nhiệm kỳ 2015 - 2020 (từ đầu nhiệm kỳ đến 30/6/2018).

3. Đánh giá tổng quát những kết quả đạt được; những hạn chế, khuyết điểm và nguyên nhân; bài học kinh nghiệm trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội; đảm bảo quốc phòng, an ninh; xây dựng Đảng và hệ thống chính trị.

4. Xác định mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đột phá, chủ yếu thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ X, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ các cấp nhiệm kỳ 2015 - 2020 từ nay đến hết nhiệm kỳ.

5. Đề xuất, kiến nghị với Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh nhằm đảm bảo thực hiện thắng lợi mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ Nghị quyết Đại hội.

(Có đề cương chi tiết kèm theo)

III. PHƯƠNG PHÁP, THỜI GIAN SƠ KẾT GIỮA NHIỆM KỲ

1. Đối với cấp ủy cơ sở

Cấp ủy cơ sở tự kiểm tra, xây dựng báo cáo sơ kết giữa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ cấp trên và cấp mình nhiệm kỳ 2015 - 2020 gửi về cấp ủy cấp trên trực tiếp; không tổ chức hội nghị sơ kết. Hoàn thành, gửi báo cáo **trước ngày 15/5/2018**.

2. Đối với các huyện ủy, thành ủy, đảng đoàn, ban cán sự đảng, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy; Ban Thường vụ Tỉnh đoàn

2.1. Các huyện ủy, thành ủy: Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện ở cơ sở; tổ chức hội nghị sơ kết giữa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh, Đại hội Đảng bộ cấp huyện nhiệm kỳ 2015 - 2020; tổng hợp, xây dựng báo cáo sơ kết theo đề cương, gửi Ban Thường vụ Tỉnh ủy *(qua Ban cán sự Đảng UBND tỉnh, các ban Đảng tỉnh và Văn phòng Tỉnh ủy)* **trước ngày 30/5/2018**.

2.2. Các ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy và Ban Thường vụ Tỉnh đoàn: Tổng hợp tình hình, xây dựng báo cáo sơ kết giữa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ X theo đề cương, gửi Ban Thường vụ Tỉnh ủy *(qua Ban cán sự đảng UBND tỉnh, ban Đảng tỉnh liên quan và Văn phòng Tỉnh ủy)* **trước ngày 25/5/2018**.

3. Đối với cấp tỉnh

Tỉnh ủy tổ chức Hội nghị sơ kết giữa nhiệm kỳ *(trực tuyến toàn tỉnh)* vào **cuối tháng 6/2018**.

4. Kiểm tra, chỉ đạo việc sơ kết giữa nhiệm kỳ ở các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy

- Phân công các đồng chí ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Tỉnh ủy viên *(được phân công phụ trách địa bàn)* chịu trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc, chỉ đạo và dự hội nghị sơ kết giữa nhiệm kỳ ở các huyện ủy, thành ủy; báo cáo kết quả cho Ban Thường vụ Tỉnh ủy trước khi Tỉnh ủy tổ chức hội nghị sơ kết.

- Thường trực Tỉnh ủy sẽ chọn một số huyện, thành phố, một số sở, ngành làm việc trực tiếp với cấp ủy, chính quyền, các đoàn thể chính trị - xã hội nghe báo cáo, trao đổi, thống nhất đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ

tỉnh lần thứ X, Nghị quyết Đại hội các Đảng bộ trực thuộc, nhiệm kỳ 2015 - 2020. Việc cụ thể hóa nghị quyết của Trung ương, các văn bản chỉ đạo của địa phương, đơn vị về thực hiện Nghị quyết Đại hội đảng bộ các cấp.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy, Đảng đoàn HĐND, Ủy ban MTTQ, các đoàn thể chính trị - xã hội tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh đoàn lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện kế hoạch này đảm bảo chất lượng và đúng thời gian quy định.

2. Các ban Đảng tỉnh và Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy căn cứ Kế hoạch, tham mưu cho Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn việc sơ kết giữa nhiệm kỳ đối với các đảng bộ trực thuộc; tổng hợp, xây dựng báo cáo trên lĩnh vực phụ trách, phối hợp xây dựng báo cáo sơ kết của Tỉnh ủy.

3. Ban cán sự đảng UBND tỉnh chủ trì tổng hợp, tham mưu Tỉnh ủy xây dựng dự thảo Báo cáo sơ kết giữa nhiệm kỳ về tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ X, nhiệm kỳ 2015 - 2020; đề ra nhiệm vụ, giải pháp đến hết nhiệm kỳ (*theo đề cương*); gửi báo cáo về Ban Thường vụ Tỉnh ủy (*qua Văn phòng Tỉnh ủy*) **trước ngày 15/6/2018** để tổng hợp.

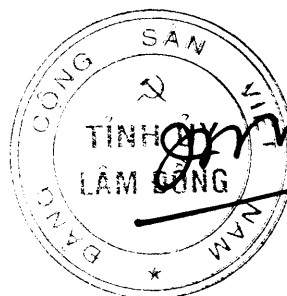
4. Ban Tổ chức Tỉnh ủy chủ trì tổng hợp, tham mưu Tỉnh ủy xây dựng dự thảo Báo cáo sơ kết giữa nhiệm kỳ về công tác xây dựng Đảng, hệ thống chính trị theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ X; đề ra nhiệm vụ, giải pháp đến hết nhiệm kỳ (*theo đề cương*); gửi báo cáo về Ban Thường vụ Tỉnh ủy (*qua Văn phòng Tỉnh ủy*) **trước ngày 15/6/2018** để tổng hợp.

5. Văn phòng Tỉnh ủy: Trên cơ sở dự thảo báo cáo sơ kết do Ban cán sự đảng UBND tỉnh và Ban Tổ chức Tỉnh ủy tổng hợp xây dựng thành báo cáo chung của Tỉnh ủy (**hoàn thành trước ngày 20/6/2018**). Đồng thời, chủ trì chuẩn bị các điều kiện, nội dung, tham mưu Tỉnh ủy tổ chức hội nghị sơ kết giữa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ X **vào cuối tháng 6.2018**. RL

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy,
- Các đồng chí UVBTV Tỉnh ủy,
- Thường trực HĐND, UBND tỉnh,
- Các ban Đảng Tỉnh ủy,
- Các đảng đoàn, ban cán sự đảng, Ban Thường vụ Tỉnh đoàn,
- Các huyện, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Báo Lâm Đồng, Đài PT-TH Lâm Đồng,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy, Tổng hợp.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ**



Trần Đức Quận



ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

**Sơ kết giữa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ X,
Nghị quyết Đại hội Đảng bộ các cấp nhiệm kỳ 2015 - 2020**
(kèm theo Kế hoạch số 52-KH/TU, ngày 23/4/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

Phần thứ nhất

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI

I. Bối cảnh chung: So với dự báo của Đại hội có những thay đổi gì ảnh hưởng đến kết quả thực hiện Nghị quyết.

II. Đánh giá tình hình và kết quả nửa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội

(Phụ lục chỉ tiêu chủ yếu kèm theo)

1. Lĩnh vực kinh tế

So sánh giữa mục tiêu Đại hội đề ra và kết quả thực hiện. Chú ý về: tốc độ và chất lượng tăng trưởng kinh tế; kết quả chuyển dịch cơ cấu kinh tế; tích lũy vốn từ nội bộ và hiệu quả đầu tư phát triển; thực hiện tái cơ cấu kinh tế, tập trung phát triển các lĩnh vực thế mạnh của tỉnh (*địa phương, ngành*); thực hiện chủ trương hội nhập kinh tế quốc tế; phát triển các thành phần kinh tế (*kết quả đổi mới, sắp xếp và cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước; thực trạng phát triển của các thành phần kinh tế; thực hiện chương trình khởi nghiệp, phát triển doanh nghiệp; việc đẩy mạnh liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm ...*); tình hình thực hiện các chương trình trọng tâm; tiến độ triển khai các công trình trọng điểm; kết quả thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới; công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng (*đánh giá việc đổi mới sắp xếp quản lý, tổ chức sản xuất, giao khoán quản lý bảo vệ rừng, giải pháp liên quan đến công tác bảo vệ và phát triển rừng theo các chủ trương, chỉ đạo của Trung ương, Chính phủ; Chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy...*); về môi trường, biến đổi khí hậu;...

2. Lĩnh vực văn hóa, xã hội

So sánh, đánh giá mục tiêu Nghị quyết Đại hội đề ra và kết quả thực hiện về đời sống và thu nhập các tầng lớp nhân dân ở địa phương (*mức độ cải thiện, khoảng cách chênh lệch giàu nghèo, điều kiện sống*); kết quả thực hiện chương trình MTQG giảm nghèo bền vững; đảm bảo an sinh xã hội; kết quả phát triển của các lĩnh vực giáo dục và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, khoa học và công nghệ, y tế, văn hóa, con người, ...

3. Lĩnh vực quốc phòng, an ninh; giữ vững ổn định chính trị, trật tự xã hội

3.1. Tình hình, kết quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo và thực hiện nhiệm vụ về công tác bảo đảm quốc phòng an ninh, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội từ đầu nhiệm kỳ đến nay.

a) Công tác lãnh đạo, chỉ đạo.

b) Kết quả thực hiện.

3.2. Tình hình, kết quả công tác phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết

kiệm, chống lãng phí.

a) Công tác lãnh đạo, chỉ đạo.

b) Kết quả thực hiện.

4. Về xây dựng Đảng và hệ thống chính trị

a) *Công tác chính trị tư tưởng*: cần chú trọng: đánh giá việc quán triệt, triển khai Nghị quyết Đại hội XII của Đảng, các Nghị quyết Trung ương (khóa XII); Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ X và nghị quyết Đại hội đảng bộ các cấp nhiệm kỳ 2015 - 2020 ban hành, chỉ đạo, tổ chức thực hiện Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội; ...; việc thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị.

b) *Công tác tổ chức, xây dựng Đảng*: chú ý nội dung: việc đổi mới nội dung, phương thức, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của đảng bộ, đổi mới đồng bộ hệ thống chính trị; quyết tâm ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống của cán bộ, đảng viên. Nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ theo Chỉ thị 10-CT/TW của Bộ Chính trị và Hướng dẫn 09-HD/BTCTW của Ban Tổ chức Trung ương.

- Việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI, XII) về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng.

c) *Công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật Đảng và phòng chống tham nhũng*: Chú ý việc xây dựng và triển khai thực hiện các chương trình kiểm tra, giám sát; phát hiện, ngăn chặn, xử lý các trường hợp vi phạm của tổ chức đảng và đảng viên.

d) *Công tác dân vận và phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội*: Trong đổi mới nội dung, phương thức hoạt động; tập hợp, xây dựng khối Đại đoàn kết toàn dân; giám sát, phản biện xã hội; góp ý xây dựng Đảng, chính quyền...

đ) *Công tác xây dựng chính quyền*: Chú ý nội dung đổi mới hoạt động bộ máy chính quyền các cấp; việc tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW, số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương (khóa XII), Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị và kế hoạch thực hiện của Tỉnh ủy; đẩy mạnh cải cách hành chính...

III. Đánh giá tổng quát

1. Ưu điểm: Trên các lĩnh vực: Kinh tế - xã hội; đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; xây dựng Đảng và hệ thống chính trị.

2. Những hạn chế, khuyết điểm (*khách quan, chủ quan*) các lĩnh vực nói trên.

a) *Lĩnh vực kinh tế xã hội*: chú ý những hạn chế, khuyết điểm trong thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp lớn trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội (*tái cơ cấu nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng; phát triển các ngành, lĩnh vực lợi thế so sánh; đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng; phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số; thu hẹp chênh lệch khoảng cách phát triển, đời sống giữa các vùng, địa bàn; phát triển giáo dục đào tạo, khoa học công nghệ, y tế, giảm nghèo, đảm bảo an sinh xã hội...*) trong Nghị quyết, Báo cáo chính trị Đại hội.

b) Lĩnh vực quốc phòng, an ninh:

Tồn tại, hạn chế, khuyết điểm về công tác lãnh đạo, chỉ đạo về an ninh quốc phòng; công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật. Những vấn đề phức tạp, nổi cộm liên quan đến tình hình an ninh chính trị, trật tự xã hội, cháy nổ xảy ra trên địa bàn, nhất là tình hình hoạt động của các loại tội phạm; tình hình tai nạn giao thông, cháy nổ; khiếu nại, tố cáo; cải cách tư pháp. Trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện công tác phòng tham nhũng, thực hành tiết kiệm chống lãng phí.

c) Lĩnh vực xây dựng Đảng, hệ thống chính trị: Chú ý những hạn chế, khuyết điểm trong thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp lớn về xây dựng tổ chức Đảng trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức Đảng; chất lượng sinh hoạt đảng; phát huy sức mạnh Đại đoàn kết toàn dân; xây dựng chính quyền trong sạch vững mạnh (*bao gồm cải cách hành chính, thực hiện tinh giản biên chế...*) trong Nghị quyết, Báo cáo chính trị Đại hội.

3. Nguyên nhân của những hạn chế, khuyết điểm (trên các lĩnh vực).

IV. Bài học kinh nghiệm

Những bài học kinh nghiệm rút ra sau hai năm rưỡi thực hiện Nghị quyết Đại hội đảng bộ tỉnh lần thứ X; Đại hội Đảng bộ các cấp nhiệm kỳ 2015 - 2020.

Phần thứ hai

**MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU PHÁT TRIỂN
KINH TẾ - XÃ HỘI NỬA NHIỆM KỲ CÒN LẠI**

I. Thuận lợi, khó khăn

II. Mục tiêu

1. Mục tiêu chung

2. Các mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể (*căn cứ kết quả, tiến độ thực hiện các mục tiêu cụ thể, chỉ tiêu chủ yếu trong Nghị quyết Đại hội để xây dựng*)

2.1. Về kinh tế - xã hội

2.2. Về quốc phòng, an ninh

2.3. Về xây dựng Đảng và hệ thống chính trị

III. Nhiệm vụ, giải pháp

** Cần tập trung:*

- Những giải pháp lớn cần tập trung chỉ đạo trong thời gian tới nhằm thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ Nghị quyết đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ X và nghị quyết đại hội đảng bộ cấp mình, nhiệm kỳ 2015 - 2020 đã đề ra.

- Những nhận thức mới và một số vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu để làm rõ trong quá trình chuẩn bị Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI (*nhiệm kỳ 2020 - 2025*).

** Cụ thể trên các lĩnh vực:*

1. Lĩnh vực kinh tế - xã hội

1.1. Lĩnh vực kinh tế

a) Thực hiện chủ trương tái cơ cấu nền kinh tế; phát triển các ngành kinh tế

** Về phát triển nông nghiệp, nông thôn*

- Tập trung thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp; triển khai hiệu quả Nghị quyết số 05-NQ/TU của Tỉnh ủy về phát triển nông nghiệp toàn diện bền vững, hiện đại giai đoạn 2016 - 2020 và định hướng đến năm 2025; Đề án phát triển nông nghiệp theo hướng tiếp cận đa ngành và cải thiện môi trường đầu tư trong nông nghiệp; Kế hoạch quảng bá thương hiệu “Đà Lạt - Kết tinh kỳ diệu từ đất lành”; Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới đến năm 2020.

- Kiểm soát quy hoạch, dự án liên quan đến đất rừng, nâng cao hiệu quả các dự án chuyển đổi rừng. Nâng cao vai trò, trách nhiệm, hiệu lực hiệu quả của các cấp ủy Đảng và chính quyền các cấp trong công tác bảo vệ và phát triển rừng.

** Phát triển công nghiệp, xây dựng:* Tập trung các giải pháp trong Nghị quyết Đại hội; thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành công thương tỉnh Lâm Đồng; Chiến lược phát triển công nghiệp quốc gia; tiếp tục thực hiện chủ trương, giải pháp Nghị quyết 03-NQ/TU của Tỉnh ủy (khóa IX) về phát triển công nghiệp; phát triển lĩnh vực xây dựng...

** Phát triển các ngành dịch vụ, du lịch:* Tập trung các nhiệm vụ, giải pháp trong Nghị quyết số 07-NQ/TU, ngày 16/11/2016 của Tỉnh ủy “*Phát triển du lịch chất lượng cao giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng*”; mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phát triển ngành dịch vụ, thương mại trong Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ X.

b) Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng: Tập trung các nhiệm vụ, giải pháp trong Nghị quyết số 06-NQ/TU, ngày 11/11/2016 của Tỉnh ủy về xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến 2025; triển khai các công trình, dự án trọng điểm về đầu tư kết cấu hạ tầng...

c) Đầu tư phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số

d) Xây dựng, hoàn thiện quan hệ sản xuất, đẩy mạnh phát triển kinh tế hợp tác; thực hiện Chương trình hỗ trợ khởi nghiệp và phát triển doanh nghiệp

đ) Hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế: Chú trọng nhiệm vụ, giải pháp trong Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ X; các chương trình hành động của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 22-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa XI) về hội nhập quốc tế; Nghị quyết số 06-NQ/TW, Hội nghị lần 4, Ban Chấp hành Trung ương (khóa XII) về thực hiện có hiệu quả tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế.

e) Phát triển kinh tế vùng giai đoạn 2016 - 2020: Chú trọng các nhiệm vụ, giải pháp trong Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ X; các quyết định của Thủ tướng Chính phủ về quy hoạch phát triển vùng...; Quyết định số 704-QĐ-TTg; Quyết định số 1528/QĐ-TTg; Nghị quyết, Kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (khóa X) về phát triển Đà Lạt và vùng phụ cận; Phát triển thành phố Bảo Lộc; huyện Đức Trọng giai đoạn 2016 - 2020;...

1.2. Phát triển văn hóa, xã hội

a) Đảm bảo an sinh xã hội: Tập trung chương trình MTQG giảm nghèo bền vững; công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm...

b) Phát triển giáo dục, đào tạo, khoa học - công nghệ: Tập trung nhiệm vụ,

giải pháp trong Nghị quyết số 09-NQ/TU của Tỉnh ủy về đào tạo, phát triển, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tỉnh giai đoạn 2017 - 2020, định hướng 2025; các chương trình hành động của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Trung ương (khóa XI) về giáo dục đào tạo, khoa học công nghệ.

c) *Về y tế*: Tập trung nhiệm vụ, giải pháp trong Kế hoạch của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW, Nghị quyết số 21-NQ/TW Hội nghị lần thứ 6, Ban Chấp hành Trung ương (khóa XII).

d) *Phát triển văn hóa, con người*: Chú trọng nhiệm vụ, giải pháp Nghị quyết Đại hội; Chương trình hành động của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương (khóa XI).

1.3. Tăng cường quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu: Tập trung nhiệm vụ, giải pháp trong Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ X; Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết 24-NQ/TW “*về chủ động ứng phó biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường*”.

2. Đảm bảo quốc phòng, an ninh, giữ vững ổn định chính trị, trật tự xã hội

Tập trung nhiệm vụ, giải pháp trong Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ X

- Về công tác lãnh đạo, chỉ đạo.
- Việc triển khai thực hiện từng nhiệm vụ cụ thể.
- Việc khắc phục những tồn tại, hạn chế.

3. Công tác xây dựng Đảng, hệ thống chính trị

- Những giải pháp lớn cần tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện trong thời gian tới, nhằm thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ nhiệm kỳ 2015 - 2020 đề ra.

(Đẩy đủ các mặt công tác tư tưởng; tổ chức xây dựng Đảng (gồm nội dung thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW); thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI, XII); kiểm tra, giám sát, kỷ luật Đảng và chống tham nhũng; công tác dân vận và phát huy vai trò của MTTQ, đoàn thể trong góp ý xây dựng Đảng, chính quyền...; công tác xây dựng chính quyền (gắn cải cách hành chính; tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế); đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước).

- Những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu, làm rõ trong quá trình chuẩn bị đại hội đảng bộ các cấp nhiệm kỳ 2020 - 2025.

IV. Đề xuất, kiến nghị

Căn cứ kết quả thực hiện, những khó khăn vướng mắc, những vấn đề thực tiễn nảy sinh, dự báo tình hình phát triển thời gian tới để kiến nghị, đề xuất Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh những nội dung cụ thể nhằm đảm bảo thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ nhiệm kỳ 2015 - 2020.

Phần thứ ba

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

ĐẢNG BỘ.....
PHỤ LỤC

*

Kèm theo Báo cáo số

-BC/..... ngày

tháng

năm 2018

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội X	Thực hiện đến tháng 5/2018	So với chỉ tiêu NQĐH
1	Tốc độ tăng Tổng sản phẩm trong nước (GRDP)	%			
	Ngành nông - lâm - thủy sản	%			
	Ngành công nghiệp - xây dựng	%			
	Ngành dịch vụ	%			
2	Cơ cấu kinh tế	%			
	Ngành nông - lâm - thủy sản	%			
	Ngành công nghiệp - xây dựng	%			
	Ngành dịch vụ	%			
3	GDP bình quân đầu người	Triệu đồng			
4	Tổng đầu tư phát triển xã hội	Tỷ đồng			
	% so với GRDP	%			
5	Tổng thu NSNN	Tỷ đồng			
	Thu cân đối NSNN (bao gồm XSKT)	Tỷ đồng			
	Trong đó thuế phí	Tỷ đồng			
6	Tổng kim ngạch xuất khẩu	Triệu USD			
7	Tổng lượng khách du lịch đến Lâm Đồng	nghìn lượt khách			
	Tổng lượng khách du lịch đến Lâm Đồng qua đăng kí lưu trú	Nghìn lượt khách			
8	Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	%			
	Quy mô dân số	Triệu người			
9	Tỷ lệ hộ nghèo giảm	%			
	Trong đó: hộ nghèo đồng bào DTTS	%			
10	Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia	%			
11	Tỷ lệ xã đạt bộ tiêu chí quốc gia về y tế	%			
	Số bác sĩ/vạn dân	Bác sĩ/ vạn dân			
12	Tỷ lệ phường, thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị	%			
13	Tỷ lệ bảo hiểm y tế toàn dân	%			
14	Tỷ lệ che phủ rừng	%			
15	Tỷ lệ rác thải đô thị được thu gom và xử lý	%			
	Tỷ lệ dân số đô thị sử dụng nước sạch	%			
16	Tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh	%			
17	Số xã đạt chuẩn nông thôn mới	xã			
18	Số huyện đạt chuẩn nông thôn mới	huyện			đối với cấp tỉnh